

Phụ lục I
TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT - XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án/tiểu dự án/ nội dung thành phần	Đơn vị quản lý, điều hành (Chủ đầu tư sau khi sát nhập)	Đơn vị tính	Số lượng	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó			Ghi chú
						Ngân sách trung ương (Vốn sự nghiệp)	Ngân sách địa phương	Vốn khác	
	Tổng cộng				12.850,00	12.850,00	-	-	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	UUBND các xã (sau sát nhập)			1.000,00	1.000,00			Kèm theo Phụ lục I.1
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.	UUBND các xã (sau sát nhập)			10.000,00	10.000,00			Kèm theo Phụ lục 1.2
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	UBND xã Phiêng Cằm, Phiêng Păn (sau sát nhập)			800,00	800,00			Kèm theo Phụ lục 1.3
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	UUBND các xã (sau sát nhập)			1.050,00	1.050,00			Kèm theo Phụ lục 1.4

Phụ lục I.1

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

DỰ ÁN 1 - NỘI DUNG 4: HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

DVT: Triệu đồng

ST T	Đơn vị xã (UBND xã)	Chủ đầu tư	Số bản đặc biệt khó khăn sau sát nhập	Số hộ thụ hưởng	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
						Vốn ngân sách TW (sự nghiệp)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSX H	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng		112		1.000,00	1.000,00	-	-	-	
1	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn bản ĐBKK thuộc xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Sung (sau sát nhập)	3		26,70	26,70				
2	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên bản bản ĐBKK thuộc xã Chiềng Chung	UBND xã Mường Chanh (sau sát nhập)	3		26,70	26,70				
3	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn xã Tà Hộc và bản ĐBKK thuộc xã Nà Bó	UBND xã Tà Hộc (sau sát nhập)	9		80,10	80,10				
4	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn xã Chiềng Mai, Chiềng Dong, Chiềng Ve, Chiềng Kheo	UBND xã Chiềng Mai (sau sát nhập)	28		249,20	249,20				
5	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn xã Chiềng Lương, Phiêng Păn, Nà Ốt	UBND xã Phiêng Păn (sau sát nhập)	35		311,50	311,50				
6	Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn xã Chiềng Nọi, Phiêng Cầm	UBND xã Phiêng Cầm (sau sát nhập)	34		305,80	305,80				

Ghi chú: Số bản ĐBKK theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/ 2021; điều chỉnh tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I.2

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

DỰ ÁN 4 - TIỂU DỰ ÁN 1: DUY TU, BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, BẢN ĐBK

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Số bản đặc biệt khó khăn sau sát nhập	Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
				Tổng vốn giao năm 2025	Trong đó			
					Vốn ngân sách TW (sự nghiệp)	NSDP	Vốn khác	
	Tổng cộng		112	10.000,00	10.000,00	-	-	
1	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản bản ĐBKK thuộc xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Sung (sau sát nhập)	3	267,00	267,00			
2	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản bản ĐBKK thuộc xã Chiềng Chung	UBND xã Mường Chanh (sau sát nhập)	3	267,00	267,00			
3	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản xã Tà Tộc và bản ĐBKK thuộc xã Nà Bó,	UBND xã Tà Hộc (sau sát nhập)	9	801,00	801,00			
4	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản xã Chiềng Mai, Chiềng Dong, Chiềng Ve, Chiềng Kheo	UBND xã Chiềng Mai (sau sát nhập)	28	2.524,00	2.524,00			
5	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản xã Chiềng Lương, Phiêng Păn, Nà Ốt	UBND xã Phiêng Păn (sau sát nhập)	35	3.115,00	3.115,00			
6	Duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bản xã Chiềng Nọi, Phiêng Cầm	UBND xã Phiêng Cầm (sau sát nhập)	34	3.026,00	3.026,00			

Ghi chú: Số bản ĐBK theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/ 2021; điều chỉnh tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I.3

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

DỰ ÁN 5 - TIỂU DỰ ÁN 1: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN LỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần	Chủ đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
			Tổng vốn giao năm 2025	Trong đó		
				Vốn ngân sách TW (sự nghiệp)	Vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng		800,00	800,00	-	
1	UBND xã Phiêng Pắn, Chiềng Lương, Nà Ót	UBND xã Phiêng Pắn (sau sát nhập)	500,00	500,00		
2	UBND xã Phiêng Cầm, Chiềng Nọi	UBND xã Phiêng Cầm (sau sát nhập)	300,00	300,00		

Phụ lục I.4

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI**

DỰ ÁN 6 - NỘI DUNG 18: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ TRANG THIẾT BỊ TẠI CÁC THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị xã	Chủ đầu tư	Đơn vị tính (Nhà VH)	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
					Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn huy động khác	
	Tổng cộng		35	1.050,00	1.050,00	-	-	-	
I	UBND xã Phiêng Păn (Sau sát nhập)	UBND xã Phiêng Păn (Sau sát nhập)	11	330,00	330,00	-	-	-	-
1	Xã Chiềng Lương	UBND xã Chiềng Lương	6	180,00	180,00	-	-	-	
1.1	Bản Ý Lường		Nhà VH	30,00	30,00				
1.2	Bản Pó In		Nhà VH	30,00	30,00				
1.3	Bản Phiêng Nọi		Nhà VH	30,00	30,00				
1.4	Bản Mật Sàng		Nhà VH	30,00	30,00				
1.5	Bản Lạn Quỳnh		Nhà VH	30,00	30,00				
1.6	Bản Tâng		Nhà VH	30,00	30,00				
2	Xã Phiêng Păn	UBND xã Phiêng Păn	5	150,00	150,00	-	-	-	-
2.1	Bản Nà Pồng		Nhà VH	30,00	30,00				
2.2	Bản Pá Liềng		Nhà VH	30,00	30,00				
2.3	Bản Pá Tong		Nhà VH	30,00	30,00				
2.4	Bản Vít		Nhà VH	30,00	30,00				

STT	Đơn vị xã	Chủ đầu tư	Đơn vị tính (Nhà VH)	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
					Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn huy động khác	
2.5	Bản Ta Lúc		Nhà VH	30,00	30,00				
II	UBND xã Phiêng Cầm (Sau sát nhập)	UBND xã Phiêng Cầm (Sau sát nhập)	14	420,00	420,00	-	-	-	-
1	Xã Chiềng Nọi	UBND xã Chiềng Nọi	7	210,00	210,00	-	-	-	
1.1	Bản Cho Cong		Nhà VH	30,00	30,00				
1.2	Bản Nhụng Dưới		Nhà VH	30,00	30,00				
1.3	Bản Co Hỉnh		Nhà VH	30,00	30,00				
1.4	Bản Bằng Ban		Nhà VH	30,00	30,00				
1.5	Bản Huổi Sàng		Nhà VH	30,00	30,00				
1.6	Bản Huổi Lấp		Nhà VH	30,00	30,00				
1.7	Bản Hua Pư		Nhà VH	30,00	30,00				
2	Xã Phiêng Cầm	UBND xã Phiêng Cầm	7	210,00	210,00	-	-	-	-
2.1	Bản Pú Tậu		Nhà VH	30,00	30,00				
2.2	Bản Hua Nà		Nhà VH	30,00	30,00				
2.3	Bản Nặm Pút		Nhà VH	30,00	30,00				
2.4	Bản Xà Liệt		Nhà VH	30,00	30,00				
2.5	Bản Nong Xà Nghè		Nhà VH	30,00	30,00				
2.6	Bản Lọng Hỏm		Nhà VH	30,00	30,00				
2.7	Bản Bon Trỏ		Nhà VH	30,00	30,00				

STT	Đơn vị xã	Chủ đầu tư	Đơn vị tính (Nhà VH)	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
					Vốn NSTW (Sự nghiệp các hoạt động kinh tế)	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn huy động khác	
III	UBND xã Chiềng Mai (Sau sát nhập)	UBND xã Chiềng Mai (Sau sát nhập)	9	270,00	270,00	-	-	-	-
1	Xã Chiềng Dong	UBND xã Chiềng Dong	5	150,00	150,00	-	-	-	
1.1	Bản Nhịu Cọ		Nhà VH	30,00	30,00				
1.2	Bản Khoáng Biên		Nhà VH	30,00	30,00				
1.3	Bản Nà Khoang		Nhà VH	30,00	30,00				
1.4	Bản Pha Đin		Nhà VH	30,00	30,00				
1.5	Bản Pắc Ngần		Nhà VH	30,00	30,00				
2	Xã Chiềng Kheo	UBND xã Chiềng Kheo	4	120,00	120,00	-	-	-	-
2.1	Bản Lon Kéo		Nhà VH	30,00	30,00				
2.2	Bản Có Tình		Nhà VH	30,00	30,00				
2.3	Bản Nà Viên		Nhà VH	30,00	30,00				
2.4	Bản Páng Sắng		Nhà VH	30,00	30,00				
IV	UBND xã Mường Chanh (Sau sát nhập)	UBND xã Mường Chanh	1	30,00	30,00				
1	Xã Chiềng Chung	UBND xã Chiềng Chung	1	30,00	30,00	-	-	-	-
1.1	Bản Xam Ta		Nhà VH	30,00	30,00				

Ghi chú: Số bản thiếu thiết chế văn hoá lấy theo Báo cáo 207/BC-VHTT ngày 20/5/2024 của phòng Văn hoá, khoa học và Thông tin huyện.